

BẢNG GIÁ BCONS GREEN TOPAZ - PTTTSHOPHOUSE

(Áp dụng từ ngày 24/02/2022 cho đến khi có thông báo mới)

VT	Block	Tầng	MS căn	Số phòng	Mã căn	Diện tích thông thủy	Diện tích tìm tương	Số WC	Hướng View	Tỷ lệ hạ giá	Đơn giá thông thủy (chưa thuế GTGT)	Đơn giá tìm tương (chưa thuế GTGT)	TỶ LỆ CK SUẤT NG	Đơn giá thông thủy (chưa thuế GTGT) sau CK	Tổng giá thông thủy (chưa thuế GTGT)	Đơn giá đất (m ²)	Tổng giá đất (đọc trả không chịu thuế GTGT)	Tổng giá trị xây dựng	Thuế GTGT 10%	Tổng giá CB (có thuế GTGT)	Phi bán trả 2%	Tổng giá CB (có thuế GTGT và PBT)
						1,108,47	1,233,30								53,467,604,602		4,802,792,117	48,664,812,485	4,806,481,250	58,444,095,852	1,069,352,092	59,498,437,944
1	A	01	01	SH01	SH01	76.23	85.44	01	Tây Nam	55.0%	51,801,000	46,217,114	8%	47,656,920	3,632,887,012	4,332,812	330,290,259	3,302,596,753	330,259,675	3,963,146,687	72,657,740	4,035,804,427
2	A	01	02	SH02	SH02	63.46	70.10	01	Tây Nam	55.0%	51,801,000	46,894,315		51,801,000	3,287,291,460	4,332,812	274,960,250	3,012,331,210	301,233,121	3,588,524,581	65,745,829	3,654,270,410
3	A	01	03	SH03	SH03	61.63	68.12	01	Tây Nam	55.0%	51,801,000	46,865,761		51,801,000	3,192,495,630	4,332,812	267,031,204	2,925,464,426	292,546,443	3,485,042,073	63,849,913	3,548,891,986
4	A	01	04	SH04	SH04	77.32	85.52	01	Tây Nam	60.0%	53,472,000	48,344,891		53,472,000	4,134,455,040	4,332,812	335,013,024	3,799,442,016	379,944,202	4,514,399,242	82,689,101	4,597,088,343
5	A	01	05	SH05	SH05	65.08	74.32	01	Đông Bắc	60.0%	53,472,000	46,823,974		53,472,000	3,479,957,760	4,332,812	281,979,405	3,197,978,355	319,797,836	3,799,755,596	69,599,155	3,869,354,751
6	A	01	06	SH06	SH06	50.02	56.67	01	Tây Bắc	35.0%	45,117,000	39,822,699		45,117,000	2,256,752,340	4,332,812	216,727,256	2,040,025,084	204,002,508	2,460,754,848	45,135,047	2,505,889,895
7	A	01	07	SH07	SH07	56.20	61.97	01	Tây Bắc	30.0%	43,446,000	39,400,762		43,446,000	2,441,665,200	4,332,812	243,504,034	2,198,161,166	219,816,117	2,661,481,317	48,833,304	2,710,314,621
8	A	01	08	SH08	SH08	56.20	61.97	01	Tây Bắc	30.0%	43,446,000	39,400,762		43,446,000	2,441,665,200	4,332,812	243,504,034	2,198,161,166	219,816,117	2,661,481,317	48,833,304	2,710,314,621
9	B	01	09	SH09	SH09	56.20	61.97	01	Tây Bắc	30.0%	43,446,000	39,400,762		43,446,000	2,441,665,200	4,332,812	243,504,034	2,198,161,166	219,816,117	2,661,481,317	48,833,304	2,710,314,621
10	B	01	10	SH10	SH10	56.12	61.97	01	Tây Bắc	30.0%	43,446,000	39,344,675		43,446,000	2,438,189,520	4,332,812	243,157,409	2,195,032,111	219,503,211	2,657,692,731	48,763,790	2,706,456,521
11	B	01	11	SH11	SH11	85.11	92.96	01	Tây Bắc	20.0%	40,104,000	36,717,421		40,104,000	3,413,251,440	4,332,812	368,765,629	3,044,485,811	304,448,581	3,717,700,021	68,265,029	3,785,965,050
12	B	01	12	SH12	SH12	52.53	57.55	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	45,757,235		50,130,000	2,633,328,900	4,332,812	227,602,614	2,405,726,286	240,572,629	2,873,901,529	52,666,578	2,926,568,107
13	B	01	13	SH13	SH13	46.98	52.69	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	44,697,426		50,130,000	2,355,107,400	4,332,812	203,555,508	2,151,551,892	215,155,189	2,570,262,589	47,102,148	2,617,364,737
14	B	01	14	SH14	SH14	46.22	51.30	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	45,165,860		50,130,000	2,317,008,600	4,332,812	200,262,571	2,116,746,029	211,674,603	2,528,683,203	46,340,172	2,575,023,375
15	B	01	15	SH15	SH15	46.22	51.30	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	45,165,860		50,130,000	2,317,008,600	4,332,812	200,262,571	2,116,746,029	211,674,603	2,528,683,203	46,340,172	2,575,023,375
16	B	01	16	SH16	SH16	46.98	52.69	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	44,697,426		50,130,000	2,355,107,400	4,332,812	203,555,508	2,151,551,892	215,155,189	2,570,262,589	47,102,148	2,617,364,737
17	C	01	17	SH17	SH17	52.17	59.58	01	Tây Bắc	60.0%	53,472,000	46,821,656		53,472,000	2,789,634,240	4,332,812	226,042,802	2,563,591,438	256,359,144	3,045,993,384	55,792,685	3,101,786,069
18	C	01	18	SH18	SH18	64.53	71.98	01	Đông Nam	50.0%	50,130,000	44,941,496		50,130,000	3,234,888,900	4,332,812	279,596,358	2,955,292,542	295,529,254	3,530,418,154	64,697,778	3,595,115,932
19	C	01	19	SH19	SH19	49.27	55.26	01	Đông Nam	40.0%	46,788,000	41,716,337		46,788,000	2,305,244,760	4,332,812	213,477,647	2,091,767,115	209,176,711	2,514,421,471	46,104,895	2,560,526,366



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC BCONS
 0. GD KHỐI KINH DOANH
 Q. BINH THANH - TP. HỒ CHÍ MINH
 LÊ VŨ LINH